

BÀI KHẢO SÁT ĐẦU VÀO LỚP 4

Năm học: 2026 – 2027

Thời gian: 60 phút

Họ và tên:

Ngày sinh:

(Học sinh làm bài trực tiếp lên bài khảo sát)

Số báo danh:

<u>Điểm</u>	Giám thị (Kí, ghi rõ họ tên)	Giám khảo (Kí, ghi rõ họ tên)



Để gia nhập ngôi nhà chung FPT Schools, bạn hãy hoàn thành các thử thách dưới đây nhé!



Thử thách 1: TƯ DUY KHOA HỌC

Câu 1. Số 16 được viết bằng số La Mã là: (0,25 điểm)

A. VI

B. XVI

C. XIV

Câu 2. Số gồm 5 chục nghìn, 6 trăm và 9 đơn vị được viết là: (0,25 điểm)

A. 569

B. 50 609

C. 5 609

Câu 3. Giá trị của chữ số 5 trong số 78 549 là: (0,25 điểm)

A. 500

B. 5000

C. 50 000

Câu 4. Kết quả của phép tính $800 : 4 \times 3$ là: (0,25 điểm)

A. 600

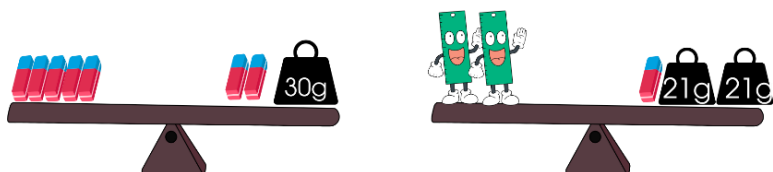
B. 200

C. 1200

Câu 5. Trong vườn có 12 cây cam, số cây quýt gấp 3 lần số cây cam. Hỏi trong vườn có bao nhiêu cây quýt? (0,5 điểm)

Trong vườn có số cây quýt là:

Câu 6. Biết rằng những cục tẩy nặng bằng nhau, hỏi một chiếc thước kẻ nằm trên cân bên phải nặng bao nhiêu gam? (0,5 điểm)



Một chiếc thước kẻ nặng là:

Câu 7. Một hình vuông có diện tích là $64m^2$. Tính chu vi của hình vuông đó. (0,5 điểm)

Chu vi hình vuông đó là:

Câu 8. Cho dãy số dưới đây được viết theo một quy luật: **1; 22; 111; 3333; 11111;**

Hỏi số tiếp theo của dãy là số nào? (0,5 điểm)

Số tiếp theo của dãy số là:

Câu 9. Alex gửi đồ trong tủ đồ của thư viện. Tủ đồ của thư viện là một dãy dài các ngăn tủ được đánh số theo một quy luật như hình vẽ. Ngăn tủ của bạn ấy được ghi số 83. Hỏi ngăn đó thuộc hàng thứ mấy? (0,5 điểm)

Hàng 1	1	6	...
Hàng 2	2	7	...
Hàng 3	3	8	...
Hàng 4	4	9	...
Hàng 5	5	10	...



A. Hàng 1

B. Hàng 2

C. Hàng 3

D. Hàng 4

E. Hàng 5

Câu 10. Nam, Hùng, An là anh em sinh ba (ba anh em sinh cùng ngày, cùng tháng, cùng năm). Anh trai Hải hơn chúng đúng 3 tuổi. Hỏi số nào có thể là tổng số tuổi của bốn anh em? (0,5 điểm)



A. 25

B. 27

C. 29

D. 30



Thử thách 2: TƯ DUY NGÔN NGỮ

A. TIẾNG VIỆT

Câu 1. Trong bài thơ “*Bàn tay cô giáo*” của nhà thơ **Định Hải** có viết:

Bàn tay cô giáo

Tết tóc cho em

Về nhà bà khen

Tay cô đến khéo.

Bàn tay cô giáo trong đoạn thơ đã làm việc gì cho bạn nhỏ? (0,25 điểm)

A. Dắt bạn nhỏ đến lớp

B. Tết tóc cho bạn nhỏ

C. Viết bài giúp bạn nhỏ

D. Chơi cùng bạn nhỏ

Câu 2. Tìm từ giống nghĩa với từ được gạch chân trong câu sau: (0,25 điểm)

Hương cà phê len lỏi vào tận các ngõ ngách, quện vào tóc, thấm vào từng tế bào của người dân Ban Mê.

- A. chật chội B. luồn lách C. khôn lỏi D. học hỏi

Câu 3. Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong câu sau: (0,25 điểm)

***Mùa hoa cà phê nở**, cả đất trời Đắk Lắk dường như tinh khiết hơn, đầm thắm hơn và duyên dáng hơn.*

Câu 4. Dấu gạch ngang trong những câu sau dùng để làm gì? (0, 25 điểm)

Có người khẽ nói:

- Bẩm, dễ có khi dê vỡ! Ngài cau mặt, gắt rắng:

- Mặc kệ!

- A. Dùng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.
B. Dùng để đánh dấu phần chú thích trong câu.
C. Dùng để đánh dấu các ý trong một đoạn liệt kê.
D. Dùng để đánh dấu từ ngữ được dùng với nghĩa đặc biệt.

Câu 5. Quan sát bức tranh, em hãy viết một đoạn văn 5 – 7 câu miêu tả nội dung bức tranh. (2 điểm)



B. TIẾNG ANH

I. Read the sentences. Choose the correct answers. (0.75 points)

Question 1: Children like flying these in the sky.

- A. bikes B. puzzles C. kites D. dolls

Question 2: There are pens, pencils and erasers in this.

- A. a pencil case B. a chair C. a book D. a door

Question 3: This is your father's brother.

- A. sister B. uncle C. aunt D. grandfather

II. Read the sentences. Choose the correct answers. (0.75 points)

Question 4: _____ an English book on the shelf.

- A. There is B. There are C. Are there D. Is there

Question 5: John can't ride a horse, _____ he can ride a bike.

- A. then B. and C. or D. but

Question 6: They _____ English now.

- A. am learning B. are learning C. learning D. learn

III. Read the text. Choose the correct answers. (0.75 points)

Polar bears

A lot of bears are brown, but polar bears have a white body and a beautiful face, with a black nose and two small brown eyes. With their big legs, they can run very fast. They don't like the hot sun, but they love swimming in a really cold sea. They enjoy catching and eating fish, and they eat meat, too. You can see polar bears at the zoo. They can be scary, but they're fantastic animals!

Question 7: The polar bears have a _____ body.

- A. white B. brown C. black D. blue

Question 8: Polar bears can run very fast because they have _____.

- A. small legs B. small eyes C. big legs D. big eyes

Question 9: Polar bears like swimming in a very _____ sea.

- A. warm B. hot C. cold D. cool

IV. Reorder the words. Choose the correct answers. (0.75 points)

Question 10: *you / get / Do / early / at / up / weekends /?/*

- A. You do get up early at weekends?
- B. Do you get early up at weekends?
- C. Do you get up at weekends early?
- D. Do you get up early at weekends?

Question 11: *there / Are / five / on / the / books / shelf /?/*

- A. Are there the five books on shelf?
- B. Are there five shelf on the books?
- C. There are five books on the shelf?
- D. Are there five books on the shelf?

Question 12: *favorite / lovely / My / toy / a / is / doll ./*

- A. My favorite toy is lovely a doll.
- B. My favorite toy is a doll lovely.
- C. My favorite toy is a lovely doll.
- D. My favorite is toy a lovely doll.



Chúc mừng bạn đã hoàn thành các thử thách. Mong rằng chúng mình
sẽ sớm gặp lại nhau tại ngôi nhà chung FPT Schools nhé!